

**ĐIỂM NÀY CÓ GÌ SAI SÓT THÌ LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI RÕ CỤ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PHÒNG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO**

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ K13XDD

TÊN HỌC PHẦN: KẾT CẤU BÊ TÔNG CỐT THÉP

HỌC KỲ 7

MÃ HỌC PHẦN: CIE - 376

TÍN CHỈ 3

Ngày thi: 20/12/2010

LẦN THI 1

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15			15		15			55	100			
1	112210274	NGUYỄN DUY NHÂN	K13XDD1	8			7		6.5			4.5	5.7	Nằm pháy Baý		
2	122210280	HỒ VĂN LŨY	K13XDD1	5.7			6		6.5			3.5	0.0	Khăng		
3	122210316	ĐỖ BÁ THIÊN	K13XDD1	6			6.5		7			6	6.2	Sầu pháy Hai		
4	122214411	LÊ XUÂN LỘC	K13XDD1	9			7.5		7.5			4.5	6.1	Sầu pháy Mầu		
5	132214404	TRẦN PHƯỚC ANH	K13XDD1	10			7		7			6	6.9	Sầu pháy Chên		
6	132214405	HOÀNG ĐỨC ẮNH	K13XDD1	9.3			8.5		6.5			4.5	6.1	Sầu pháy Mầu		
7	132214409	TRƯƠNG NGUYỄN QU ẮNH	K13XDD1	9.3			7		7			5	6.2	Sầu pháy Hai		
8	132214410	PHẠM THỊ BÍCH	K13XDD1	9.7			8		7.5			5.5	6.8	Sầu pháy Tầm		
9	132214417	PHAN XUÂN CHIẾN	K13XDD1	7.7			7		5			3.5	0.0	Khăng		
10	132214418	NGUYỄN VĂN CHINH	K13XDD1	4.7			5.5		5.5			6.5	5.9	Nằm pháy Chên		
11	132214434	NGUYỄN VĂN DŨNG	K13XDD1	8.7			7		8			5.5	6.6	Sầu pháy Sầu		
12	132214437	QUÁCH HOÀNG DŨNG	K13XDD1	10			8		7.5			7.5	8.0	Tầm		
13	132214443	NGUYỄN VĂN HẢI	K13XDD1	10			8.5		9			8	8.5	Tầm pháy Nằm		
14	132214448	HOÀNG TRUNG HIẾU	K13XDD1	9.3			8		8			7	7.6	Baý pháy Sầu		
15	132214451	NGUYỄN TIẾN HUNG	K13XDD1	8.3			5.5		8			7.5	7.4	Baý pháy Bấu		
16	132214454	PHAN VĂN HOÀI	K13XDD1	8.7			7		7			2.5	0.0	Khăng		
17	132214458	NGUYỄN VĂN HOÀNG	K13XDD1	10			7.5		7			5	6.4	Sầu pháy Bấu		
18	132214472	NGUYỄN CAO HƯỞNG	K13XDD1	10			7.5		8.5			1.5	0.0	Khăng		
19	132214478	NGUYỄN DUY KHÁNH	K13XDD1	9			8.5		7			7.5	7.8	Baý pháy Tầm		
20	132214487	VĂN CÔNG LẬP	K13XDD1	10			7.5		6			5.5	6.6	Sầu pháy Sầu		
21	132214492	NGUYỄN VIỆT LONG	K13XDD1	9.3			8.5		7.5			5	6.5	Sầu pháy Nằm		
22	132214498	NGUYỄN KIM MAU	K13XDD1	9.7			7.5		8			5.5	6.8	Sầu pháy Tầm		
23	132214503	NGUYỄN XUÂN THÁI NGỌC	K13XDD1	8.7			8.5		5.5			5	6.2	Sầu pháy Hai		
24	132214507	LÊ VĂN NHÂN	K13XDD1	9.3			8.5		6			7.5	7.7	Baý pháy Baý		
25	132214508	NGUYỄN HỮU THÀNH NHÂN	K13XDD1	7.3			7		5			1	0.0	Khăng		
26	132214514	NGUYỄN NGUYỄN PHÁT	K13XDD1	9.7			7		7.5			5.5	6.7	Sầu pháy Baý		
27	132214520	ĐẶNG VĂN BẢO PHƯỚC	K13XDD1	9.3			8.5		7			6	7.0	Baý		
28	132214524	ĐẶNG MINH PHƯƠNG	K13XDD1	9.3			8		4.5			2.5	0.0	Khăng		
29	132214529	LÊ QUÂN	K13XDD1	5			6		4.5			6.5	5.9	Nằm pháy Chên		
30	132214535	NGUYỄN CÔNG QUANG	K13XDD1	6.3			6		0			3	0.0	Khăng		
31	132214540	HỒ NGỌC SẮC	K13XDD1	10			8.5		8			6	7.3	Baý pháy Ba		
32	132214543	HUỶNH LINH SƠN	K13XDD1	9.3			7.5		6.5			5	6.2	Sầu pháy Hai		
33	132214545	TRẦN BẢO SƠN	K13XDD1	4.7			6		5			5.5	5.4	Nằm pháy Bấu		
34	132214550	TRƯƠNG ĐÌNH TÂN	K13XDD1	8.7			8.5		8			7.5	7.9	Baý pháy Chên		
35	132214555	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	K13XDD1	4.7			5.5		5			4	4.5	Bấu pháy Nằm		
36	132214560	PHAN ĐÌNH THÀNH	K13XDD1	5.7			0		8.5			5.5	5.2	Nằm pháy Hai		
37	132214574	NGUYỄN THƯƠNG	K13XDD1	10			7		10			2	0.0	Khăng		
38	132214575	PHẠM MINH TIẾP	K13XDD1	4			4.5		5			2	0.0	Khăng		
39	132214581	NGUYỄN TIẾN TOÀN	K13XDD1	7.3			7		6.5			2	0.0	Khăng		
40	132214587	VÕ CÔNG TRÚ	K13XDD1	5			7.5		4.5			4.5	5.0	Nằm		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ K13XDD

TÊN HỌC PHẦN: KẾT CẤU BÊ TÔNG CỐT THÉP
MÃ HỌC PHẦN : CIE - 376

HỌC KỲ 7
TÍN CHỈ 3
LẦN THI 1

Ngày thi: 20/12/2010

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15			15		15			55	100			
41	132214592	MAI HOÀNG	TRUNG	K13XDD1	9.7			7		7.5			4.5	6.1	Sầu phấp Mắt		
42	132214596	NGUYỄN THANH	TRƯỜNG	K13XDD1	7.7			7		3			5	5.4	Nằm phấp Bấu		
43	132214601	NGUYỄN KIM	TUẤN	K13XDD1	8			8		9			6.5	7.3	Bấy phấp Ba		
44	132214606	NGUYỄN TIẾN	TÙNG	K13XDD1	4			6		6			7.5	6.5	Sầu phấp Nằm		
45	132214612	NGUYỄN XUÂN	VÀNG	K13XDD1	10			7.5		6.5			7.5	7.7	Bấy phấp Bấy		
46	132214616	TRẦN HOÀNG	VIỆT	K13XDD1	8.7			0		7.5			3.5	0.0	Khăng		
47	132214620	TRẦN VĂN	VINH	K13XDD1	8.7			7		7			5.5	6.4	Sầu phấp Bấu		
48	132214624	NGUYỄN MINH	VƯƠNG	K13XDD1	10			8.5		6			4.5	6.2	Sầu phấp Hai		
49	132214633	TRƯƠNG VIỆT	LONG	K13XDD1	8.7			8		6			3.5	0.0	Khăng		
50	122210255	PHAN HỒNG	HẢI	K13XDD1	0			0		0			V	0.0	Khăng		
51	112210240	LÊ BÁ	CHIẾN	K13XDD2	10			7		9			6	7.2	Bấy phấp Hai		
52	132214402	BÙI TUẤN	ANH	K13XDD2	9.3			8		7.5			6.5	7.3	Bấy phấp Ba		
53	132214412	PHAN THANH	BÌNH	K13XDD2	10			8.5		8			8	8.4	Tằm phấp Bấu		
54	132214430	TRẦN ANH	ĐỨC	K13XDD2	9.3			7.5		7.5			6	6.9	Sầu phấp Chên		
55	132214435	TRẦN VIỆT	DŨNG	K13XDD2	6			7		4			2	0.0	Khăng		
56	132214446	CAO HUY	HIẾN	K13XDD2	8.3			7.5		5			4.5	5.6	Nằm phấp Sầu		
57	132214449	NGUYỄN VŨ VIỆT	HIỂU	K13XDD2	9.7			9		8			6.5	7.6	Bấy phấp Sầu		
58	132214455	CAO THANH	HOÀN	K13XDD2	9.7			8.5		8			6.5	7.5	Bấy phấp Nằm		
59	132214460	VĂN NGỌC	HOÀNG	K13XDD2	10			8		9			6	7.4	Bấy phấp Bấu		
60	132214465	NGUYỄN HỮU	HÙNG	K13XDD2	9.3			7		7			5.5	6.5	Sầu phấp Nằm		
61	132214471	TRẦN XUÂN	HƯNG	K13XDD2	8.7			4		6.5			4	5.1	Nằm phấp Mắt		
62	132214479	VÕ ĐÌNH	KHÁNH	K13XDD2	8.7			8		5			9	8.2	Tằm phấp Hai		
63	132214483	HOÀNG	KHUYNH	K13XDD2	10			9		8.5			3.5	0.0	Khăng		
64	132214494	NGUYỄN THANH	LUÂN	K13XDD2	10			8.5		7.5			4.5	6.4	Sầu phấp Bấu		
65	132214499	TRẦN ĐÌNH DUY	MINH	K13XDD2	6			5		7.5			5	5.5	Nằm phấp Nằm		
66	132214502	VŨ HOÀI	NAM	K13XDD2	9.3			0		7.5			5.5	5.5	Nằm phấp Nằm		
67	132214504	TRẦN	NGỌC	K13XDD2	8			5		8			6	6.5	Sầu phấp Nằm		
68	132214515	NGUYỄN HÙNG	PHI	K13XDD2	9.3			8		8			5.5	6.8	Sầu phấp Tằm		
69	132214523	ĐẶNG NGỌC	PHƯỚC	K13XDD2	10			7		8			4.5	6.2	Sầu phấp Hai		
70	132214530	NGUYỄN VĂN	QUÂN	K13XDD2	3.3			0		3.5			2	0.0	Khăng		
71	132214536	TRẦN ĐÌNH	QUỐC	K13XDD2	10			5.5		5.5			5	5.9	Nằm phấp Chên		
72	132214541	LÊ MINH	SANG	K13XDD2	7.3			8		7.5			9	8.4	Tằm phấp Bấu		
73	132214546	TRẦN QUỐC	SON	K13XDD2	10			8		8.5			6	7.3	Bấy phấp Ba		
74	132214551	ĐẶNG VIỆT	THÀNH	K13XDD2	8			8.5		8			5.5	6.7	Sầu phấp Bấy		
75	132214554	LÊ HUY	THẮNG	K13XDD2	10			5.5		9.5			5	6.5	Sầu phấp Nằm		
76	132214556	NGUYỄN THỌ	THẮNG	K13XDD2	4.7			0		3.5			5.5	4.3	Bấu phấp Ba		
77	132214558	HOÀNG KIM	THÀNH	K13XDD2	10			8		5.5			7.5	7.7	Bấy phấp Bấy		
78	132214565	NGUYỄN TRƯỜNG	THIỆN	K13XDD2	9.3			8.5		8			8.5	8.5	Tằm phấp Nằm		
79	132214569	HUỖNH DUY	THUẬN	K13XDD2	10			7.5		4.5			6.5	6.9	Sầu phấp Chên		
80	132214571	BÙI ĐÌNH	THỰC	K13XDD2	10			7.5		7			3.5	0.0	Khăng		
81	132214576	LÊ NHẬT	TÍNH	K13XDD2	10			7		9.5			5.5	7.0	Bấy		
82	132214586	TRẦN DUY	TRINH	K13XDD2	6.7			7		6.5			7.5	7.2	Bấy phấp Hai		
83	132214588	HOÀNG ĐÌNH	TRUNG	K13XDD2	9.3			8.5		8.5			6.5	7.5	Bấy phấp Nằm		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ K13XDD

TÊN HỌC PHẦN: KẾT CẤU BÊ TÔNG CỐT THÉP

HỌC KỲ 7

MÃ HỌC PHẦN : CIE - 376

TÍN CHỈ 3

Ngày thi: 20/12/2010

LẦN THI 1

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15			15		15			55	100			
84	132214591	PHAN THANH	TRUNG	K13XDD2	10			6		9			8.5	8.4	Tầm pháp Bấu		
85	132214593	LÊ MẠNH	TRƯỜNG	K13XDD2	5.3			6		5.5			7.5	6.6	Sâu pháp Sầu		
86	132214597	NGUYỄN HỮU	TÚ	K13XDD2	8			7		6.5			5	6.0	Sầu		
87	132214602	PHẠM THANH	TUẤN	K13XDD2	8.3			7		6.5			6	6.6	Sầu pháp Sầu		
88	132214607	TRẦN SƠN	TÙNG	K13XDD2	9			7.5		8.5			6.5	7.3	Bấu pháp Ba		
89	132214613	NGÔ THÀNH	VIÊN	K13XDD2	8			6		8			6	6.6	Sầu pháp Sầu		
90	132214619	PHAN QUANG	VINH	K13XDD2	9.3			7		6.5			5	6.2	Sầu pháp Hai		
91	132214621	ĐỖ ANH	VŨ	K13XDD2	8			0		5			5	4.7	Bấu pháp Bấu		
92	132214626	DƯƠNG LÊ	VƯƠNG	K13XDD2	8.3			7		5.5			4	5.3	Nằm pháp Ba		
93	132214629	NGUYỄN THÁI	NGUYỄN	K13XDD2	8.7			5		8			6.5	6.8	Sầu pháp Tầm		
94	132214637	HỒ THÀNH	TRUNG	K13XDD2	7.3			7.5		7.5			3	0.0	Khăng		
95	132214783	PHAN NHẬT	QUANG	K13XDD2	10			8		6.5			4	5.9	Nằm pháp Chên		
96	122210320	LƯU VĂN	THUẬN	K13XDD2	0			0		0			V	0.0	Khăng		
97	112210234	PHAN THẾ	DIỆP	K13XDD3	0			0		0			V	0.0	Khăng		
98	112210259	DƯƠNG MINH	HÙNG	K13XDD3	2			0		6			6	4.5	Bấu pháp Nằm		
99	122210249	NGUYỄN MẠNH	DŨNG	K13XDD3	5			0		5			6	4.8	Bấu pháp Tầm		
100	122210338	THÁI MINH	VIỆT	K13XDD3	10			5		6			6	6.5	Sầu pháp Nằm		
101	132214403	PHẠM QUỐC	ANH	K13XDD3	8			5		6			5	5.6	Nằm pháp Sầu		
102	132214420	NGUYỄN CÔNG	CƯỜNG	K13XDD3	10			5		5			6	6.3	Sầu pháp Ba		
103	132214421	NGUYỄN PHÚC	CƯỜNG	K13XDD3	8			5		6			7	6.7	Sầu pháp Bấu		
104	132214424	ĐẶNG CÔNG	DIỆP	K13XDD3	8			6		5			7	6.7	Sầu pháp Bấu		
105	132214426	LÊ DOÃN	DOANH	K13XDD3	8			0		6			6	5.4	Nằm pháp Bấu		
106	132214428	NGUYỄN ĐẠI	ĐỨC	K13XDD3	10			6		5			7	7.0	Bấu		
107	132214432	LÂM VĂN	DŨNG	K13XDD3	8			6		6			7	6.9	Sầu pháp Chên		
108	132214433	LÊ DUY	DŨNG	K13XDD3	8			4		4			4	4.6	Bấu pháp Sầu		
109	132214438	BÙI ĐẠI	DƯƠNG	K13XDD3	8			5		4			6	5.9	Nằm pháp Chên		
110	132214450	PHAN BÁ	HIẾU	K13XDD3	4			0		6			6	4.8	Bấu pháp Tầm		
111	132214461	NGUYỄN TRƯỜNG	HÔNG	K13XDD3	8			5		6			6	6.2	Sầu pháp Hai		
112	132214463	HÀ XUÂN	HÙNG	K13XDD3	8			5		4			6	5.9	Nằm pháp Chên		
113	132214474	KHÚC VĂN	HUY	K13XDD3	6			6		6			7	6.6	Sầu pháp Sầu		
114	132214490	VĂN ĐÌNH	LỘC	K13XDD3	10			6		6			6	6.6	Sầu pháp Sầu		
115	132214495	NGUYỄN VĂN	LUÂN	K13XDD3	10			6		5			6	6.5	Sầu pháp Nằm		
116	132214497	NGUYỄN VĂN	MÃO	K13XDD3	8			5		4			6	5.9	Nằm pháp Chên		
117	132214505	NGUYỄN HOÀNG	NGUYỄN	K13XDD3	5			4		6			6	5.6	Nằm pháp Sầu		
118	132214519	ĐỖ QUANG	PHỤNG	K13XDD3	10			6		6			6	6.6	Sầu pháp Sầu		
119	132214527	NGUYỄN THANH	PHƯƠNG	K13XDD3	5			5		4			4	4.3	Bấu pháp Ba		
120	132214539	NGUYỄN DƯƠNG	QUYÊN	K13XDD3	4			5		5			4	4.3	Bấu pháp Ba		
121	132214542	TRẦN NHẬT	SANH	K13XDD3	8			5		5			7	6.6	Sầu pháp Sầu		
122	132214547	ĐỖ THẾ	SỰ	K13XDD3	8			5		4			7	6.4	Sầu pháp Bấu		
123	132214552	PHAN VĨNH	THẠCH	K13XDD3	8			6		6			6	6.3	Sầu pháp Ba		
124	132214557	HUỖNH VĂN	THANH	K13XDD3	8			5		6			7	6.7	Sầu pháp Bấu		
125	132214563	NGUYỄN SỸ	THÀNH	K13XDD3	10			5		6			5	5.9	Nằm pháp Chên		
126	132214568	PHAN ĐÌNH	THOẠI	K13XDD3	10			5		6			7	7.0	Bấu		

Ngày thi: 20/12/2010

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15			15		15			55	100			
127	132214573	CÙ HOÀNG	THƯƠNG	K13XDD3	7			5		4			6	5.7	Nằm pháy Baý		
128	132214577	DƯƠNG	TÍNH	K13XDD3	5			6		6			6	5.9	Nằm pháy Chên		
129	132214585	HỒ MINH	TRIỀU	K13XDD3	8			5		4			5	5.3	Nằm pháy Ba		
130	132214589	NGÔ VĂN	TRUNG	K13XDD3	5			0		5			5	4.3	Bấu pháy Ba		
131	132214594	TRẦN ĐÌNH	TRƯỜNG	K13XDD3	7			5		5			6	5.9	Nằm pháy Chên		
132	132214595	NGUYỄN NHẬT	TRƯỜNG	K13XDD3	8			5		5			5	5.5	Nằm pháy Nam		
133	132214598	TRẦN VIỆT	TUÂN	K13XDD3	10			2		5			7	6.4	Sầu pháy Bấu		
134	132214603	NGUYỄN MẠNH	TUẤN	K13XDD3	8			5		6			8	7.3	Baý pháy Ba		
135	132214605	NGUYỄN THANH	TÙNG	K13XDD3	10			4		6			7	6.9	Sầu pháy Chên		
136	132214628	LÊ ANH	XUÂN	K13XDD3	5			5		4			5	4.9	Bấu pháy Chên		
137	132214632	DƯƠNG HỮU	NHẬT	K13XDD3	10			5		4			6	6.2	Sầu pháy Hai		
138	132214636	NGUYỄN ĐÌNH	LONG	K13XDD3	10			5		6			5	5.9	Nằm pháy Chên		
139	132214638	NGUYỄN XUÂN	HÙNG	K13XDD3	10			5		7			6	6.6	Sầu pháy Sầu		
140	132214639	VÕ HỒNG	MINH	K13XDD3	8			5		5			7	6.6	Sầu pháy Sầu		
1	0258	ĐỖ ĐƯỜNG	HÙNG	K12XDD	2			5.5		0			5	3.9	Ba pháy Chên		
2	0275	PHAN ĐỨC	LONG	K12XDD	7.3			0		8			6.5	5.9	Nằm pháy Chên		
3	0282	TRẦN HỮU	NINH	K12XDD	6			5		5			6	5.7	Nằm pháy Baý		
4	0276	NGUYỄN MINH	TUÂN	T13XDD	6			6		6			1	0.0	Khăng		
5	0168	TRƯƠNG VĂN	ĐÁU	T14XDD	4.7			5		6			4	4.6	Bấu pháy Sầu		
6	0169	NGUYỄN	ĐẾN	T14XDD	4			5		6			5.5	5.3	Nằm pháy Ba		
7	0186	VÕ ĐỨC	HẠNH	T14XDD	2			0		0			2	0.0	Khăng		
8	0194	NGUYỄN VĂN	HOÀN	T14XDD	6			5		6			1	0.0	Khăng		
9	0207	NGUYỄN ANH	KHOA	T14XDD	2			0		0			2	0.0	Khăng		
10	0239	HÀ VĂN TƯỜNG	QUANG	T14XDD	6			4		8			5.5	5.7	Nằm pháy Baý		
11	0260	TRẦN ANH	THƯ	T14XDD	4			5		3.5			1.5	0.0	Khăng		
12	0261	TRẦN PHƯỚC	THUẬN	T14XDD	7.3			4		8			4.5	5.4	Nằm pháy Bấu		
13	0284	PHAN THÀNH	TÚY	T14XDD	6			5		6.5			3.5	0.0	Khăng		
14	0264	VÕ HỮU	TÍN	T14XDD	5			5		6			7	6.3	Sầu pháy Ba		

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	127	82%	
2	Số sinh viên nợ	27	18%	
TỔNG CỘNG :		154	100%	

Đà Nẵng, ngày 03 tháng 03 năm 2011

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

PHÒNG ĐÀO TẠO
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Kim Đức

Trương Văn Tâm

ThS. Nguyễn Quốc Lâm

ThS. Nguyễn Hữu Phú